

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/GPMT-UBND

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính Phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 05/ĐNCPTM-PH ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Công ty cổ phần Đầu tư công nghệ cao Phúc Hưng về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Cao Thắng và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 666/TTr-SNNMT ngày 21 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Đầu tư công nghệ cao Phúc Hưng, địa chỉ tại cụm công nghiệp Cao Thắng, xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Cao Thắng tại cụm công nghiệp Cao Thắng, xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án

1.1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp

Cao Thắng.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0801206676 do phòng Đăng ký kinh doanh và quản lý doanh nghiệp - Sở Tài chính thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 03/3/2017; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 03/7/2026.

Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 03/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (nay là thành phố Hải Phòng) về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Cao Thắng (điều chỉnh lần thứ nhất).

1.4. Mã số thuế: 0801206676.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; cho thuê nhà xưởng, nhà kho và văn phòng.

Các ngành nghề được phép thu hút đầu tư gồm: Công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm; công nghiệp hỗ trợ; sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ; lĩnh vực cơ khí; gia công, lắp ráp các sản phẩm kính, kim loại; thu hút các dự án ít tác động đến môi trường, phù hợp với Đề án phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và mục tiêu phát triển công nghiệp của thành phố Hải Phòng, ưu tiên thu hút các dự án có công nghệ cao, tiên tiến, không gây ô nhiễm môi trường hoặc ít gây ô nhiễm môi trường theo đúng định hướng tại Quyết định số 5052/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, bao gồm:

TT	Nhóm ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành (theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ)
1	Sản xuất, chế biến nông sản, thực phẩm, đồ uống, thức ăn chăn nuôi (không bao gồm giết mổ gia súc, gia cầm; sản xuất chè; sản xuất cà phê)	C101, C103, C104, C105, C107, C108, C11
2	Sản xuất, lắp ráp linh kiện, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, viễn thông, các sản phẩm từ công nghệ mới, kỹ thuật cao (không bao gồm sản xuất pin và ắc quy)	C26, C27
3	Sản xuất kim loại màu (sản xuất hợp kim nhôm, sơ chế nhôm), đúc kim loại màu, cơ khí chế tạo, sản xuất, lắp ráp máy móc, thiết bị, mô tô, ô tô, sản phẩm từ kim loại đúc sẵn.	C24202, C24320, C251, C259, C28, C29, C33

4	Dệt, may mặc (không nhuộm), giày dép (không có công đoạn thuộc da, sơ chế da, nhuộm da), công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C13, C1410, C1430, C152, C324, C325, C329
5	Nhóm dự án về chế biến gỗ; sản xuất giấy, bìa, bao bì từ giấy và bìa thành phẩm, các sản phẩm từ plastic	C16, C1702, C1709, C222
6	Nhóm dự án về dược phẩm, in, sản phẩm từ thủy tinh, thiết bị nội thất, nhà bếp	C18, C21, C231, C2391, C2392, C2393, C31
7	Vận tải kho bãi và các dịch vụ hỗ trợ khác; đầu tư xây dựng nhà xưởng xây sẵn và văn phòng để cho thuê, cung cấp các dịch vụ quản lý bất động sản	H5210, H52242, H5229, L68

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Tổng diện tích quy hoạch là 455.158 m², trong đó:

+ Diện tích thực hiện dự án là 417.379,4 m² (Đất công nghiệp diện tích 313.559,1 m²; Đất công nghiệp đã cấp 29.370,9 m²; Đất công nghiệp quy hoạch 284.188,2 m²; Đất dịch vụ, hành chính 6.192,6 m²; Đất hạ tầng kỹ thuật 7.008,1 m²; Đất doanh trại CS PCCC 2.884,4 m²; Đất hồ sự cố - chỉ thị sinh học 4.848,6 m²; Đất cây xanh 46.035,8 m²; Đất giao thông 74.629,4 m²);

+ Diện tích đất công nghiệp đã được nhà nước thu hồi và giao cho Công ty TNHH giải trí High Rock là 29.370,9 m²;

+ Diện tích đất đường gom là 5.875 m²;

+ Diện tích đất hành lang QL.38B là 2.532,7 m².

- Dự án có tiêu chí như Dự án nhóm A (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Dự án có tiêu chí về môi trường tương đương với Dự án đầu tư Nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

- Quy mô công suất các hạng mục được được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này:

+ Vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ của CCN Cao Thắng trên diện tích 455.158 m²;

+ Vận hành và kinh doanh các cụm nhà xưởng, nhà văn phòng xây sẵn (Nhà xưởng 1, 2 tại lô CN3; Nhà xưởng 3 tại lô CN4; Nhà xưởng 4 tại lô CN5; Nhà xưởng 5 tại lô CN2; Nhà xưởng 6 tại lô CN1; Nhà văn phòng tại lô DV) và

các công trình phụ trợ đi kèm với tổng diện tích 199.943 m²;

+ Trạm xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế: 5.000 m³/ngày đêm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Đầu tư công nghệ cao Phúc Hưng.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Đầu tư công nghệ cao Phúc Hưng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày....tháng.....năm 2036).

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, PCT TT Lê Anh Quân;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Thanh Miện;
- Công ty cổ phần Đầu tư công nghệ cao Phúc Hưng;
- CVP, PCVP P.A.Tuấn;
- Các phòng: NNMT, NVKTGS;
- Cổng Thông tin điện tử TP (để đăng tải GP);
- Lưu: VT, N.X.Thành.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Anh Quân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số _____/GPMT-UBND
ngày ... tháng ... năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà bếp của cán bộ, công nhân làm việc tại nhà điều hành của CCN Cao Thắng.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh của cán bộ, công nhân làm việc tại nhà điều hành của CCN Cao Thắng.
- Nguồn số 03: Nước thải từ các dự án thứ cấp trong CCN đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN.
- Nguồn số 04: Nước vệ sinh dụng cụ phòng thí nghiệm tại Trạm XLNT tập trung.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải

Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung, lưu lượng 5.000 m³/ngày đêm.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh xả tiêu trạm bơm Cao Lý (phía Tây dự án), xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng.

2.2. Vị trí xả nước thải vào nguồn tiếp nhận

- Kênh xả tiêu trạm bơm Cao Lý (phía Tây dự án), xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 2298383; Y(m) = 547956.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 5.000 m³/ngày đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý của hệ thống XLNT tập trung CCN chảy vào mương quan trắc tự động và dẫn ra ngoài hồ ga, sau đó tự chảy ra Kênh xả tiêu trạm bơm Cao Lý (phía Tây dự án), xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A) cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	≤ 40	Không áp dụng (theo khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Đã lắp đặt
2	pH	-	6 - 9		
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	≤ 30		
4	COD	mg/l	≤ 60		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 5,0		
6	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤ 30	03 tháng/lần	Không áp dụng
7	Độ màu	Pt/Co	≤ 50		
8	Asen	mg/l	≤ 0,05		
9	Thủy ngân	mg/l	≤ 0,001		
10	Chì	mg/l	≤ 0,1		
11	Cadimi	mg/l	≤ 0,02		
12	Crom hóa trị VI	mg/l	≤ 0,1		
13	Tổng Crom	mg/l	≤ 0,5		
14	Đồng	mg/l	≤ 1,0		
15	Kẽm	mg/l	≤ 1,0		
16	Niken	mg/l	≤ 0,1		
17	Mangan	mg/l	≤ 2,0		
18	Sắt	mg/l	≤ 2,0		
19	Tổng xianua	mg/l	≤ 0,2		
20	Tổng phenol	mg/l	≤ 1,0		
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	≤ 1,0		
22	Sunfua	mg/l	≤ 0,2		
23	Florua	mg/l	≤ 3,0		
24	Tổng nitơ	mg/l	≤ 20		
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	≤ 4,0		
26	Clorua	mg/l	≤ 500		
27	Clo dư	mg/l	≤ 1,0		
28	Coliform	vi khuẩn/100ml	≤ 3.000	01 lần/năm	
29	Tổng hóa chất bảo vệ	mg/l	≤ 0,05		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
	thực vật clo hữu cơ				
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phot pho hữu cơ	mg/l	$\leq 0,3$		
31	Tổng PCB	mg/l	$\leq 0,003$		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà bếp của cán bộ, công nhân làm việc tại nhà điều hành của CCN Cao Thắng: được dẫn qua thiết bị tách mỡ chảy vào đường ống nhựa uPVC/PVC đường kính D110 ($i = 0,2\%$) sau đó chảy về bể tự hoại 3 ngăn và thoát ra hố ga thuộc mạng lưới thu gom chung của CCN.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh của cán bộ, công nhân làm việc tại nhà điều hành của CCN Cao Thắng: được thu gom bằng hệ thống ống đứng và ống nhánh dẫn trực tiếp về bể tự hoại 3 ngăn (dung tích khoảng 3 m³) sau đó chảy vào tuyến ống HDPE D400 đặt ngầm dưới vỉa hè ($i = 0,25\% - 0,33\%$) tự chảy dọc theo các hố ga (khoảng cách 30m/hố) dẫn về bể thu gom của Trạm XLNT tập trung.

- Nguồn số 03: Nước thải từ các dự án thứ cấp trong CCN đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN: Các nhà đầu tư thứ cấp phải tự xây dựng hệ thống thu gom và xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn đầu nối nội bộ của CCN trước khi xả ra điểm đầu nối. Tuyến ống chính sử dụng ống HDPE D400 ($i = 0,25\% - 0,33\%$) chiều dài 1.775,01 m và D600 ($i = 0,16\%$) chiều dài 166,25 m. Mỗi lô đất công nghiệp được bố trí 01 hố ga đầu nối riêng biệt nằm trên vỉa hè, phía ngoài hàng rào của dự án thứ cấp. Nước thải từ tất cả các dự án thứ cấp tự chảy về Bể thu gom của Trạm XLNT tập trung.

- Nguồn số 04: Nước vệ sinh dụng cụ phòng thí nghiệm tại Trạm XLNT tập trung: được chảy vào ống nhựa uPVC đường kính (D34, D42) dẫn trực tiếp từ sàn phòng thí nghiệm về bể thu gom của Trạm XLNT tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình xử lý nước thải sơ bộ tại khu vực nhà điều hành

- 01 Bể tự hoại 03 ngăn dung tích 03 m³.

- 01 bể tách mỡ, dung tích bể 02 m³.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bể thu gom → Bể lắng cát, tách dầu → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể trung gian → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bể quan trắc → Kênh xả tiêu trạm bơm Cao Lý (phía Tây dự án).

- Công suất thiết kế: 5.000 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, Phèn PAC 31%, dinh dưỡng, NaOCl 8%, A-Polymer, C-Polymer (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

- Số lượng: 01 trạm.
- Vị trí: Mương quan trắc, trước khi xả ra môi trường.
- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, độ màu, chất rắn lơ lửng, COD, Amoni.
- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.
- Camera theo dõi: 01 bộ.
- Kết nối, truyền số liệu: Thực hiện truyền dữ liệu kết quả quan trắc nước thải tự động, liên tục về Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố

01 hồ sự cố, thể tích 5.000 m³, thành và đáy hồ được lót lớp HDPE chống thấm.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trường hợp hệ thống XLNT tập trung của CCN bị sự cố hoặc nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường thông qua việc kiểm soát bằng hệ thống quan trắc tự động, liên tục, nước thải được bơm về lưu chứa tại hồ sự cố. Sau khi đã khắc phục xong sự cố của hệ thống XLNT tập trung của CCN, nước thải tại hồ sự cố được bơm về bể thu gom nước thải chung của hệ thống XLNT tập trung để tiếp tục xử lý.

- Trường hợp phát hiện chất lượng nước thải đầu vào vượt giá trị giới hạn cho phép của CCN, tiến hành khóa van đầu nối nước thải, cam kết không tiếp nhận nước thải vượt tiêu chuẩn đầu nối trong mọi trường hợp. Khi lưu lượng nước thải đầu vào tăng đột biến thì tăng cường sục khí tại bể điều hòa để tránh lắng cặn và kiểm soát đầu ra.

- Trường hợp tạm dừng một mô đun để duy tu, bảo trì, nước thải được đưa về hồ sự cố và đảm bảo các mô đun còn lại hoạt động đúng theo công suất thiết kế. Kết thúc quá trình bảo trì, nước thải được đưa về bể thu gom nước thải chung để tiếp tục xử lý.

- Thường xuyên giám sát chất lượng nước thải đầu vào của hệ thống XLNT tập trung, đảm bảo tiêu chuẩn nước thải đầu vào nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý của hệ thống.

- Bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống XLNT tập trung của CCN, ứng phó sự cố.

- Định kỳ hằng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống XLNT tập trung của CCN.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát, nạo vét hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.5. Giới hạn tiếp nhận nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tiếp nhận
1	Nhiệt độ	oC	40
2	Độ màu	Co-Pt	50
3	pH	-	6-9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	300
5	COD	mg/l	400
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	300
7	Asen (As)	mg/l	0,05
8	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,001
9	Chì (Pb)	mg/l	0,1
10	Cadimi (Cd)	mg/l	0,02
11	Crom (VI) (Cr ⁶⁺)	mg/l	0,01
12	Tổng Crom (Cr)	mg/l	0,5
13	Đồng (Cu)	mg/l	2
14	Kẽm (Zn)	mg/l	1
15	Niken (Ni)	mg/l	0,1
16	Mangan (Mn)	mg/l	0,5
17	Sắt (Fe)	mg/l	1
18	Tổng Xianua	mg/l	0,07
19	Tổng phenol	mg/l	0,1
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5
21	Sunfua	mg/l	0,2
22	Florua	mg/l	5
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
24	Tổng nitơ	mg/l	40

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tiếp nhận
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6
26	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	500
27	Clo dư	mg/l	1
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,05
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,3
30	Tổng PCBs	mg/l	0,003
31	Coliform	MPN/100ml	5.000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải, công suất 5.000 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 03 điểm (01 điểm tại bể gom và 01 điểm tại mương quan trắc, 01 điểm tại điểm xả nước thải của cụm công nghiệp ra nguồn tiếp nhận).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần Đầu tư công nghệ cao Phúc Hưng phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Mẫu nước thải trước xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy 1 ngày, mẫu đơn).

- Mẫu nước thải sau xử lý lấy tại mương quan trắc trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy 3 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Dự án. Trong trường hợp công suất, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải không đáp ứng yêu cầu xử lý

về lưu lượng, thành phần, tính chất nước thải phát sinh, Chủ Dự án có trách nhiệm cải tạo, nâng công suất của hệ thống xử lý nước thải và hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, khoản 3, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.5. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất là 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý nước thải gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.7. Công ty cổ phần Đầu tư công nghệ cao Phúc Hưng không được xả nước thải ra ngoài môi trường khi chưa xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường theo yêu cầu của Giấy phép môi trường.

3.8. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc nước thải tự động, liên tục.

Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày ... tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực đặt máy thổi khí của hệ thống XLNT tập trung.
- Nguồn số 02: Khu vực đặt máy ép bùn của hệ thống XLNT tập trung.
- Nguồn số 03: Khu vực đặt máy bơm của hệ thống XLNT tập trung.
- Nguồn số 04: Khu vực đặt máy khuấy của hệ thống XLNT tập trung.

2. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung theo QCVN 26:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (Từ 6 giờ-trước 18 giờ) (dBA)	Tối (18 giờ đến trước 22h)	Đêm (từ 22 giờ đến 6 giờ) (dBA)		
1	70	65	60	-	Khu vực E
QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn					

2.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (từ 6 đến trước 22 giờ)	Đêm (từ 22 giờ đến 6 giờ)		
1	75	70	-	Khu vực D
QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị tại trạm xử lý nước thải để đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.
- Các thiết bị có công suất lớn, lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung; các thiết bị xử lý nước thải vận hành đúng công suất, yêu cầu kỹ thuật.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra động cơ, thay dầu bôi trơn, hiệu chuẩn, kiểm định đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung theo quy định.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày ... tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên: 45 kg/năm;

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: 11.010 kg/năm;

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 2.810 kg/năm;

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát: 233.190 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Trang bị các thùng bằng nhựa HDPE loại 220 lít. Trên mỗi thùng có kí hiệu cảnh báo nguy hiểm, hình ảnh và tên các loại chất thải nguy hại theo quy định.

- Bố trí khu lưu chứa chất thải nguy hại: bố trí tại nhà máy XLNT tập trung diện tích 30 m². Kho có vách ngăn chống cháy, mái bằng tôn, có cửa ra vào kiểm soát, nền bê tông, bố trí các thiết bị PCCC, vật liệu thấm hút, phía ngoài có biển cảnh báo chất thải nguy hại theo đúng quy định.

- Chất thải nguy hại được phân loại tại nguồn, thu gom vào các thiết bị lưu chứa riêng biệt có dán mã chất thải của từng loại chất thải khác nhau, tập kết về kho chứa để lưu giữ và định kỳ 6 tháng/lần hoặc khi khối lượng phát sinh lớn, chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Trang bị thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy, dung tích từ 20 - 100 lít.

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Khi khối lượng phát sinh lớn, công ty thuê đơn vị có chức năng trực tiếp hút đi xử lý.

- Bố trí khu vực lưu chứa CTR công nghiệp thông thường: Công ty bố trí 01 kho chứa với diện tích 30 m². Kho chứa được ngăn cách với các khu vực xung quanh bằng vách ngăn chống cháy, có cửa ra vào kiểm soát.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân loại tại nguồn, thu gom vào các thiết bị lưu chứa riêng biệt có nhãn dán mã chất thải của từng loại

chất thải khác nhau, tập kết về kho chứa để lưu giữ định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt phải được phân loại tại nguồn, thu gom vào các thùng chứa có màu khác nhau theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Trang bị các thùng chứa HDPE có nắp đậy dung tích 10-25 lít/thùng để thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày.

- Kho chứa CTR sinh hoạt diện tích 30 m².

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo quy định tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Cụ thể như sau:

- Kho lưu giữ chất thải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại các Điều 27, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37 và Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (*nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường*) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026.

- Trang bị các vật dụng, thiết bị, vật liệu để phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải gồm bao cát, vật liệu thấm hút, thu gom hóa chất và chất thải; thùng chứa dự phòng, thiết bị bảo hộ lao động, bình chữa cháy cùng các phương tiện ứng cứu cần thiết khác. Các trang thiết bị được bố trí tại những vị trí thuận tiện, dễ tiếp cận, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng nhằm bảo đảm khả năng sẵn sàng ứng phó, xử lý kịp thời các sự cố chất thải phát sinh trong quá trình vận hành dự án, hạn chế tối đa tác động đến môi trường xung quanh.

- Thực hiện lưu giữ chất thải đúng theo thiết kế và công suất của khu vực lưu giữ, bảo đảm khối lượng và chủng loại chất thải không vượt quá khả năng lưu chứa. Chất thải được sắp xếp gọn gàng, ổn định, bảo đảm an toàn trong quá trình lưu giữ, tránh đổ vỡ, rò rỉ hoặc phát tán ra môi trường.

- Thực hiện thu gom, chuyển giao chất thải định kỳ cho các đơn vị có chức năng nhằm hạn chế tối đa thời gian tồn lưu tại khu vực lưu giữ. Đồng thời, áp dụng các biện pháp phòng ngừa phù hợp như bố trí nền lưu giữ cao hơn khu vực xung quanh, bảo đảm hệ thống thoát nước, che chắn và gia cố khu vực lưu giữ để phòng tránh nguy cơ ngập úng, cuốn trôi hoặc phát tán chất thải khi xảy ra mưa lớn, triều cường hoặc các hiện tượng thời tiết cực đoan.

- Khi xảy ra sự cố chất thải, Chủ dự án tổ chức triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp với tính chất, quy mô và mức độ của sự cố; huy động nhân lực, trang thiết bị, vật tư cần thiết để kịp thời khống chế, thu gom, xử lý chất thải phát sinh và hạn chế tối đa tác động đến môi trường. Trường hợp sự cố vượt quá khả năng ứng phó tại chỗ, Chủ dự án thực hiện thông báo cho cơ quan có thẩm quyền và phối hợp với các đơn vị liên quan để tổ chức ứng phó theo quy định hiện hành về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải.

- Khi xảy ra sự cố tại khu vực lưu giữ chất thải, Chủ dự án thực hiện cô lập khu vực sự cố, áp dụng các biện pháp ngăn chặn chất thải phát tán ra môi trường; đồng thời sử dụng các vật liệu, thiết bị ứng cứu phù hợp để thu gom toàn bộ chất thải bị rò rỉ, đổ tràn. Chất thải, vật liệu thấm hút, bao bì hư hỏng và các chất thải phát sinh trong quá trình khắc phục sự cố được thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời theo đúng quy định đối với từng loại chất thải và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Sau khi khắc phục sự cố, khu vực bị ảnh hưởng được vệ sinh, kiểm tra và phục hồi nhằm bảo đảm không phát sinh ô nhiễm môi trường thứ cấp.

- Bố trí nhân sự vận hành, lực lượng tham gia phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải được tập huấn, huấn luyện kỹ năng, nghiệp vụ về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo quy định.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND

ngày ... tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN:

Các nội dung, hạng mục công trình và yêu cầu bảo vệ môi trường Công ty cổ phần Đầu tư công nghệ cao Phúc Hưng tiếp tục triển khai sau khi được cấp Giấy phép môi trường, bao gồm:

- Hoàn thành đối với hạng mục cây xanh cách ly nằm phía Đông dự án (giáp CCN Tứ Cường) để đảm bảo cách ly phát sinh về tiếng ồn của trạm xử lý nước thải tập trung và các hoạt động sản xuất của cụm công nghiệp.

- Tiếp tục hoàn thiện xây dựng các khối nhà văn phòng, nhà xưởng/kho bãi tại các lô đất CN-1; CN-2; CN-4; DV (Dịch vụ).

- Hoàn thiện hồ sơ cố theo đúng quy hoạch, thời gian thực hiện đến tháng 8/2026.

Sau khi hoàn thiện các hạng mục công trình nêu trên, Công ty có trách nhiệm báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại Luật bảo vệ môi trường.

3. Đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định của pháp luật về xây dựng.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Các hạng mục công trình của cụm công nghiệp chỉ được phép hoạt động khi bảo đảm phù hợp theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai, xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

6. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường

trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành. Đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường của dự án đến các đối tượng nhạy cảm xung quanh đáp ứng theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.
